



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2014

TP. Hồ Chí Minh, tháng 6 năm 2015



Mục lục

Phần A: TỔNG QUAN	3
I. Giới thiệu SPT	3
II. Lịch sử hình thành và phát triển	3
III. Định hướng phát triển	5
Phần B: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	7
I. Nhận định tình hình chung năm 2014	7
II. Tổng quan kết quả hoạt động năm 2014	7
III. Triển khai các hoạt động năm 2014	7
PHẦN C: BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	10
I. Báo cáo tình hình tài chính năm 2014	10
II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014	10
III. Các hoạt động khác	10
IV. Kế hoạch kinh doanh năm 2015	12
PHẦN D: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	17
I. Báo cáo tài chính 2014	17
II. Báo cáo kiểm toán 2014	20
Phần E: CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	22
Phần F: TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	23
I. Cơ cấu tổ chức Công ty	23
II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty	24
III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động	26
Phần G: THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	27
I. Hội đồng Quản trị	27
II. Ban Kiểm soát	30
III. Thống kê về cổ đông	31

Phần A

TỔNG QUAN

I. Giới thiệu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG SÀI GÒN

- Tên tiếng Anh: **SAIGON POSTEL CORP**
- Tên viết tắt: **SPT**
- Giấy Chứng nhận ĐKKD số: 0300849034
- Trụ sở chính: 45 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 5 444 9999 Fax: (84.8) 5 404 0609
- Email: info@spt.vn
- Website: <http://www.spt.vn>

II. Lịch sử hình thành và phát triển:

Ngày 27/12/1995, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT) chính thức được thành lập, với tổng vốn điều lệ ban đầu là 50 tỷ đồng. SPT cũng là công ty cổ phần đầu tiên ở Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực Bưu chính - Viễn thông với các thành viên sáng lập gồm 11 doanh nghiệp nhà nước hoạt động trong các lĩnh vực: sản xuất thiết bị viễn thông, điện tử, tin học và cung cấp dịch vụ bưu chính viễn thông...

Đến nay, SPT đã có gần như đầy đủ các giấy phép quan trọng để đảm bảo hoạt động bền vững trong ngành Bưu chính - Viễn thông tại Việt Nam, đặc biệt là 02 giấy phép thiết lập hạ tầng mạng trực quốc gia và quốc tế, giấy phép dịch vụ di động và tần số kèm theo.

Trải qua 19 năm hình thành và phát triển, chính sự nỗ lực, phấn đấu không ngừng của Ban Lãnh đạo cùng toàn thể đội ngũ CB-CNV Công ty đã góp phần xây dựng nên bề dày lịch sử truyền thống SPT như ngày nay. Đây là một chặng đường ghi dấu nhiều giai đoạn phát triển của SPT trong hành trình trở thành một trong những nhà cung cấp dịch vụ bưu chính - viễn thông hàng đầu Việt Nam.

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Hiện SPT đang cung cấp các dịch vụ chủ yếu trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông - CNTT như sau:

- Dịch vụ điện thoại: điện thoại cố định, điện thoại Internet, điện thoại đường dài giá cước thấp (VoIP), điện thoại di động, dịch vụ miễn cước người gọi (1800)...
- Dịch vụ chuyển phát bưu chính: Cung cấp các loại hình dịch vụ chuyển phát hàng hoá, tài liệu trong nước và quốc tế.
- Dịch vụ sản xuất, kinh doanh và bảo hành thiết bị bưu chính viễn thông, mạng lưới bưu chính viễn thông chuyên dùng.
- Dịch vụ truy cập Internet băng thông rộng (ADSL); Dịch vụ mạng riêng ảo (IP-VPN); Dịch vụ kênh thuê riêng (Leased line) trong nước, quốc tế; Dịch vụ thuê kênh riêng Internet; Dịch vụ truy cập Internet gián tiếp; Dịch vụ viễn thông sử dụng giao

thức IP (IP Centrex)...

- Dịch vụ xây dựng và thi công công trình: Xây dựng công trình bưu chính viễn thông, công trình dân dụng và công nghiệp.

- Dịch vụ thông tin - quảng cáo.

2.2. Tình hình hoạt động:

1996: SPT bắt đầu triển khai kinh doanh dịch vụ thiết bị viễn thông và chính thức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát bưu phẩm trong nước và quốc tế với thương hiệu Saigon Post (SGP).

1997: Công ty chính thức cung cấp dịch vụ Internet (ISP) với thương hiệu SaigonNet, trở thành một trong bốn nhà cung cấp dịch vụ Internet đầu tiên tại Việt Nam.

1999: Cung cấp thông tin lên mạng Internet (ICP - SaigonNet.vn, SaigonNews.vn)

2001: Công ty chính thức cung cấp dịch vụ gọi đường dài trong nước và quốc tế giá cước thấp (VoIP - 177). Trong năm này, Công ty đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp kinh doanh nhằm duy trì 25% thị phần ở phân khúc thị trường VoIP quốc tế.

2002: Đầu năm 2002, Công ty triển khai cung cấp các dịch vụ trên mạng điện thoại cố định. Cụ thể: đưa mạng điện thoại cố định đầu số 54xxx xxxx vào khai thác tại TP.HCM và tiếp tục thiết lập hạ tầng để mở rộng ra các tỉnh thành lân cận. Công ty đã đạt gần 200.000 thuê bao cố định và ADSL. Đặc biệt, SPT là đơn vị phục vụ trọn gói dịch vụ viễn thông tại khu đô thị mới Phú Mỹ Hưng và nhiều khu dân cư tập trung, chung cư, cao ốc văn phòng tại TP.HCM.

2003: Trong lĩnh vực di động, SPT là đơn vị tiên phong trong việc triển khai mạng điện thoại di động sử dụng công nghệ CDMA 2000-1x EV-DO tại Việt Nam với thương hiệu S-Fone.

2006: Mạng điện thoại di động CDMA (S-Fone) của SPT phủ sóng toàn quốc. Đến năm 2009 thuê bao phát triển mới đạt 1 triệu thuê bao, nâng tổng số thuê bao tích lũy trên toàn mạng là 6,8 triệu thuê bao.

Cũng trong năm này, SPT hợp tác với tập đoàn SingTel (Singapore) cung cấp dịch vụ V-Connect + (IP VPN). Đến tháng 12/2006, Công ty được cấp giấy phép thiết lập mạng viễn thông cố định quốc tế và đường dài trong nước.

2007: Công ty tham gia góp vốn đầu tư và cùng sở hữu tuyến cáp quang biển Asia America Gateway (AAG), tuyến cáp quang nối trực tiếp từ Đông Nam Á đi Bắc Mỹ, dung lượng 1.92Tbps. SPT được chia sẻ hơn 30Gpbs băng thông quốc tế từ tuyến cáp này.

2010: Chủ trương chuyển đổi mô hình kinh doanh từ BCC sang công ty liên doanh của Trung tâm S-Telecom (đơn vị cung cấp dịch vụ di động S-Fone) đã được Thủ tướng phê duyệt về nguyên tắc vào tháng 8/2010.

2011: Tháng 12/2011, BCC S-Telecom được cấp giấy phép chuyển đổi sang hình thức công ty liên doanh, trong đó SPT giữ cổ phần chi phối.

2012: Tháng 3/2012, SPT được Bộ Thông tin - Truyền thông cấp phép chuyển đổi công nghệ di động từ CDMA sang UMTS 850 (3G).

2014: Tháng 7, SPT ra mắt dịch vụ S-wifi, một giải pháp truyền thông tiếp thị trên nền tảng mạng không dây băng thông rộng tại Việt Nam. Đây là sản phẩm dịch vụ tiếp thị tiên tiến được xây dựng trên hạ tầng mạng wifi băng thông rộng với khả năng tiếp cận hơn 1 triệu người dùng hàng tháng trên toàn quốc.

Trong quá trình hình thành và phát triển, SPT vinh dự được trao tặng nhiều danh hiệu, bằng

khen như:

- Nhiều Bằng khen, Cờ Đơn vị xuất sắc (từ năm 2001-2004) do Chính phủ và Thành phố tặng.
- Huân chương Lao động hạng III năm 2005 do Chủ tịch nước trao tặng.
- Giải thưởng “Thương hiệu nổi tiếng Việt Nam” năm 2006 do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bình chọn.
- Giải thưởng “Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam” năm 2007 do VNR bình chọn.
- Danh hiệu “Thương hiệu mạnh” liên tục trong 3 năm 2006, 2007 và 2008.
- Giải “Sao vàng Phương Nam”- “Sao vàng Đất Việt” năm 2008.
- Top 500 DN và Top 500 DN tư nhân lớn nhất Việt Nam 2012...

Ngoài ra, đối với SPT, khái niệm trách nhiệm xã hội đã trở thành một chuẩn mực, một mục tiêu phấn đấu của tập thể cũng như từng cá nhân. Các chương trình truyền thống của SPT như: “Đồng hành vì người nghèo”, “Ngày hội hiến máu nhân đạo”... luôn thu hút đông đảo CB-CNV tham gia và tạo được dư luận tốt trong xã hội. Với tổng doanh thu bình quân xấp xỉ 1.000 tỷ đồng/năm, Công ty đóng góp khá tốt vào ngân sách nhà nước.

Hiện nay, Công ty SPT đang từng bước mở rộng mạng lưới cung cấp các loại hình dịch vụ tại 64 tỉnh thành trong cả nước và đầu tư ra nước ngoài. Với nhiều loại hình dịch vụ đang cung cấp cho hàng triệu thuê bao, thị phần Công ty ngày càng mở rộng và thương hiệu SPT cũng được nhận diện rộng rãi. Vốn điều lệ Công ty tăng nhiều lần và thương hiệu, vị thế của SPT cũng ngày càng được khẳng định trên thị trường bưu chính - viễn thông trong nước và quốc tế.

III. Định hướng phát triển:

3.1. Các mục tiêu chủ yếu 2015

- Tổng doanh thu : 782,456 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 90 tỷ đồng

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Kiên định con đường phát triển là trở thành một trong những công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực bưu chính - viễn thông, trong những năm tiếp theo, SPT đưa ra những định hướng sau:

❖ Về dịch vụ

Triển khai linh hoạt, hiệu quả kế hoạch mở rộng mạng lưới cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc; Tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ với mục tiêu trọng tâm là khách hàng và dịch vụ đặc biệt, khác biệt; Nghiên cứu phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng, đóng gói các dịch vụ để ngày càng mang đến nhiều lợi ích cho khách hàng.

Khai thác sử dụng có hiệu quả hạ tầng viễn thông theo định hướng băng thông rộng, đa dịch vụ trên hạ tầng đã và đang đầu tư.

Tích cực nghiên cứu và nhanh chóng đưa các dịch vụ mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của các khách hàng, đồng thời góp phần tăng hiệu quả hoạt động của Công ty

❖ Về hạ tầng và công nghệ

Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng viễn thông trong nước và quốc tế của Công ty dựa trên nền công nghệ tiên tiến, dung lượng lớn, đồng bộ, có đủ năng lực để cung cấp đa dịch vụ băng thông rộng, phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ (thoại, dữ liệu, hình ảnh).

Tập trung vào băng thông rộng và các dịch vụ nội dung số bằng cách tự đầu tư một cách hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng, đồng thời kết hợp với việc hợp tác, liên kết với đối tác bên ngoài. Trên cơ sở đó đưa ra thêm các dịch vụ mới.

Nghiên cứu, cập nhật các khuynh hướng phát triển công nghệ, dịch vụ viễn thông và công nghệ thông tin trên thế giới; Có chiến lược và kế hoạch ứng dụng hiệu quả vào phát triển hạ tầng mạng lưới và dịch vụ của Công ty.

❖ Quản trị doanh nghiệp

Triển khai kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp phù hợp với chiến lược phát triển Công ty, áp dụng phương thức quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, cải thiện các quy trình vận hành của Công ty.

Thực hiện quá trình hiện đại hóa hệ thống quản trị, nâng cao chất lượng và năng lực quản lý; Tiến hành triển khai các chương trình kiểm soát chi phí, tăng cường công tác đào tạo, nâng cao kỹ năng làm việc và quản lý... Bên cạnh đó, chú trọng tăng các nguồn lực cạnh tranh của SPT trên thị trường.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp; Xây dựng và hoàn thiện các chính sách để phát triển nguồn nhân lực giỏi chuyên môn, có trách nhiệm với khách hàng và với cổ đông của Công ty.

❖ Quan hệ với đối tác, cổ đông, khách hàng

Tích cực xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác, bình đẳng với các đối tác trong và ngoài nước.

Duy trì và phát triển tốt mối quan hệ với các cổ đông hiện hữu của Công ty, tìm kiếm cổ đông chiến lược là doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước có kiến thức, kinh nghiệm về ngành nghề liên quan, có khả năng hỗ trợ về chuyên môn, tài chính, quản trị doanh nghiệp... và đóng góp hiệu quả vào việc mang lại giá trị cộng thêm đối với các hoạt động của Công ty.

Tiếp tục hoàn thiện các chính sách và quy trình phục vụ, chăm sóc đối với khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Xây dựng phong cách phục vụ thân thiện, chuyên nghiệp, phân đấu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của khách hàng và trở thành một công ty luôn được khách hàng ưu tiên lựa chọn.

Phần B

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. Nhận định tình hình chung năm 2014

- Tình hình kinh tế xã hội: Năm 2014 nền kinh tế nói chung có những chuyển biến tích cực, tăng trưởng GDP năm 2014 dự kiến vượt 5,8% so với năm 2013 đạt 5,69%.
- Tính đến nay có khoảng 24 doanh nghiệp viễn thông được cấp phép thiết lập mạng viễn thông công cộng; hơn 100 doanh nghiệp được cấp phép cung cấp dịch vụ viễn thông. Số lượng thuê bao internet băng rộng đạt 11.923.000 thuê bao. Trong đó: Băng rộng cố định đạt 6.980.000 thuê bao, băng rộng di động 3G (Datacard 3G): 4.943.000 thuê bao. Số lượng thuê bao di động đạt 138.630.000 thuê bao. Mặc dù số thuê bao cố định có xu hướng giảm, nhưng do số lượng thuê bao di động phát sinh cực tăng nên tổng doanh thu trong lĩnh vực viễn thông năm 2014 ước đạt 305.000 tỷ đồng.
- Trong năm 2014, hoạt động viễn thông nổi bật là việc tái cơ cấu tập đoàn VNPT. Trong đó, Mobifone và một số đơn vị được tách ra khỏi VNPT thành lập Tổng Công ty, phần còn lại của VNPT đang tái cơ cấu sắp xếp các đơn vị nội bộ.
- Tháng 12/2014 Cục Viễn thông - Bộ TTTT, triển khai phương án thử nghiệm đấu giá bán lại dịch vụ VoIP quốc tế về của các doanh nghiệp SMP (VMS, VNPT và Viettel) và tiến hành cấp phép đối với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường cung cấp dịch vụ VoIP.

II. Tổng quan kết quả hoạt động năm 2014

2.1. Về kinh doanh

- Doanh thu: 702,223 tỷ đồng, tăng 9,4% so với 2013, đạt 108% so với kế hoạch (KH) năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế: 59,126 tỷ đồng, đạt 131% so với kế hoạch (KH).
- Khấu hao: lũy kế đến 31/12/2014: 116,136 tỷ đồng.
- Nộp ngân sách Nhà nước: 24,060 tỷ đồng.
- Lao động bình quân trong năm 2014: 1.143 người. Thu nhập bình quân: 7.106.418 đồng/người/tháng.

2.2. Về đầu tư

Tính đến tháng cuối tháng 12/2014, tình hình đầu tư của toàn Công ty đạt được kết quả như sau:

- Giá trị đầu tư hoàn thành lũy kế: 1.164,16 tỷ đồng.
- Giá trị đầu tư hoàn thành trong năm 2014: 24,79 tỷ đồng, tương đương 30,4% KH 2014, tăng 44,21% so với cùng kỳ năm 2013.

2.3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ Công ty SPT tính đến thời điểm 31/12/2014 là: **1.203,92** tỷ đồng.

III. Triển khai các hoạt động 2014:

3.1. Mục tiêu kế hoạch 2014 của SPT:

Mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh trọng tâm năm 2014 của SPT là duy trì ổn định các dịch vụ hiện hữu, tập trung phát triển các dịch vụ chủ lực, tiết giảm chi phí và giá vốn nhằm cắt giảm lỗ hoạt động kinh doanh trực tiếp ở mức 30% so với kết quả thực hiện năm 2013.

3.2. Triển khai các mục tiêu kế hoạch 2014 của SPT:

Để đạt mục tiêu đề ra, Công ty đã triển khai các hoạt động trọng tâm cụ thể như sau:

a. Thuê bao sản lượng các dịch vụ bưu chính viễn thông:

Tập trung các chương trình nhằm phát triển ổn định thuê bao, sản lượng các dịch vụ hiện hữu để đảm bảo doanh thu kế hoạch. Kết quả thực hiện như sau:

- Hạn chế được sự suy giảm thuê bao, doanh thu của dịch vụ ĐTCD và ADSL.
- Đầu tư phát triển mạng lưới FTTx tại khu vực TP. HCM, Đà Nẵng và Cần Thơ đã đáp ứng nhu cầu phát triển thuê bao mới.
- Sản lượng VoIP quốc tế về đạt kết quả tương đối khả quan, hoàn thành mục tiêu tăng sản lượng với giá bán bình quân dịch vụ theo qui định giá sàn của Bộ TTTT.
- Tăng trưởng sản lượng dịch vụ khai thác trên tài nguyên tuyến cáp quang biển AAG.
- Dịch vụ IPVPN: vượt kế hoạch về doanh thu do có tăng số lượng khách hàng, đang duy trì đối tác Singtel, tìm kiếm phát triển đối tác mới.
- Tạo điều kiện tăng sản lượng, doanh thu đối với dịch vụ phát chuyển hàng hoá của SGP.

b. Chương trình kiểm soát chi phí nhằm nâng cao năng suất lao động:

Triển khai chương trình cắt giảm chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Xây dựng phương án tái cơ cấu bộ máy kỹ thuật toàn Công ty cho phù hợp với hiện trạng hoạt động kinh doanh hiện nay, tạo tiền đề cho việc thực hiện các bước tiếp theo trong năm 2015. Kết quả đã triển khai mô hình quản lý kỹ thuật, triển khai hợp nhất hạ tầng kỹ thuật của Trung tâm IPT và Trung tâm STC, tiếp tục xây dựng và thực hiện từng bước công tác tích hợp hệ thống quản lý, vận hành kỹ thuật và CNTT để tiến đến thành lập Trung tâm điều hành kỹ thuật trong năm 2015.

Triển khai công tác kiểm soát chi phí hoạt động bao gồm giá vốn và chi phí bán hàng:

- Trên cơ sở xây dựng lại định mức và điều chỉnh đơn giá vật tư thiết bị phát triển thuê bao phù hợp với thực tế. Kết quả là Công ty đã tiết giảm chi phí 18% so với KH 2014 bao gồm chi phí điện, chi phí vật tư phát triển thuê bao, chi phí xử lý sự cố.

Rà soát các dự án đã và đang triển khai kinh doanh nhằm đánh giá lại hiệu quả thực sự nhằm cắt giảm lỗ phát sinh:

- Thực hiện việc chuyển đổi mô hình kinh doanh đối với dịch vụ VAS, bước đầu Trung tâm IPT đã bàn giao các dịch vụ VAS cho Ban Phát triển Dự án quản lý và khai thác kinh doanh dịch vụ.
- Tập trung việc cắt giảm các dịch vụ không có hiệu quả kéo dài trong thời gian qua bao gồm: VoIP trong nước và gọi quốc tế, PC2fone,...

c. Chương trình thúc đẩy sản phẩm mới:

- Triển khai dự án hợp tác cung cấp Internet/truyền hình cáp với Tổng Công ty Truyền hình VTVcab, SPT đã xúc tiến hoàn tất các thủ tục hợp tác kinh doanh với VTVcab, đầu năm 2015 sẽ triển khai cung cấp dịch vụ internet trên từng hệ thống truyền hình

cáp đến khách hàng tại khu vực TP.HCM và mở rộng đến các tỉnh/thành khác. Việc hợp tác này tạo ra cơ hội cho SPT mở rộng phát triển thuê bao Internet băng rộng - là dịch vụ đang phát triển của thị trường và mong muốn mở rộng phát triển của SPT trong những năm qua.

- SPT đã triển khai cung cấp dịch vụ Internet công cộng (S-Wifi) kết hợp với thu tiền quảng cáo trên dịch vụ S-wifi tại địa bàn TP. HCM, Hà Nội, Đà Nẵng và Cần Thơ và sẽ mở rộng phạm vi cung cấp dịch vụ internet công cộng trên toàn quốc.
- Ngoài ra, trong năm 2014, bộ phận phát triển dự án của Công ty cũng đã triển khai hàng loạt dịch vụ liên quan đến thoại gia tăng (OTT) như SIP phone, Softphone...

Phần C

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. Báo cáo tình hình tài chính

Xem Phần D - Báo cáo tài chính, bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán thuộc tài liệu này.

II. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014:

2.1 Kết quả hoạt động kinh doanh:

(Bảng số liệu bao gồm SST)

STT	Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2014	TH 2014	%TH 2014/ TH 2013	%TH 2014/ KH 2014
1	TỔNG DOANH THU	641,974	652,709	702,223	109%	108%
2	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	1,505	23	923	61%	4014%
3	DOANH THU THUẦN	640,469	652,686	701,300	109%	107%
4	TỔNG GIÁ VỐN	576,329	567,618	604,114	105%	106%
5	LỢI NHUẬN GỘP	64,140	85,069	97,185	152%	114%
6	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	120,019	108,582	112,526	94%	104%
7	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	28,137	31,602	28,122	100%	89%
8	CHI PHÍ BÁN HÀNG	19,224	17,119	17,788	93%	104%
9	CHI PHÍ QLDN	101,662	99,940	105,129	103%	105%
10	LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	-56,745	-31,990	-25,732	45%	80%
11	LỢI NHUẬN THUẦN	35,137	44,990	58,673	167%	130%
12	Lợi nhuận khác	3,882	10	453	12%	4530%
13	TỔNG LỢI NHUẬN T.THUẾ	39,019	45,000	59,126	152%	131%

2.2 Đánh giá chung về hoạt động kinh doanh năm 2014:

- Tổng lợi nhuận trước thuế vượt KH 2014, đạt 131% (59,126 tỷ đồng/KH: 45 tỷ đồng).
- Các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh toàn Công ty thực hiện sát với kế hoạch 2014 đề ra.
- Các biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động đã từng bước mang lại hiệu quả.
- Mục tiêu giảm lỗ từ mảng hoạt động kinh doanh trực tiếp đã đạt như kế hoạch.

III. Các hoạt động khác:

3.1 Một số hoạt động chính trong năm 2014:

a) Hoạt động Kỹ Thuật - Công Nghệ:

Tập trung công tác kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ, nâng cao trách nhiệm xử lý sự cố trong công tác kỹ thuật và dây máy. Tiếp tục chủ trì xây dựng và thực hiện từng bước công tác tích hợp kỹ thuật.

b) Hoạt động Dự Án - Đầu Tư:

- Tổng mức đầu tư :

- Tổng mức đầu tư : 51,16 tỷ đồng, bằng 67,5%KH (KH 2014: 75,79 tỷ đồng).
- Giá trị đầu tư hoàn thành : 24,79 tỷ đồng, bằng 30,4%KH (KH 2014: 81,55 tỷ đồng).

Trong đó:

- + Năm 2013 chuyển sang : 10,65 tỷ đồng, bằng 36,7%KH
 - Thực hiện dở dang (đã ký HĐ) : 3,56 tỷ đồng, bằng 60,6%KH
 - Tiếp tục thực hiện năm 2014 : 2,26 tỷ đồng, bằng 29,9%KH
- + Năm 2014 : 14,14 tỷ đồng, bằng 27,3%KH

➤ **Tình hình thực hiện đầu tư theo cơ cấu tài sản:**

- Về thiết bị mạng, mạng truyền dẫn: Đã thực hiện đầu tư đưa vào khai thác đạt tổng giá trị đầu tư là 21,58 tỷ đồng, đạt 28,6% so với kế hoạch PAC.
- Về phương tiện vận tải phục vụ kinh doanh dịch vụ Bưu chính: Đã thực hiện đầu tư 3 xe tải để phục vụ vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện; giá trị đầu tư đạt 93,4% so với kế hoạch.
- Về thiết bị quản lý: Công ty SPT thực hiện phê duyệt cơ sở pháp lý được 2,23 tỷ đồng đạt 62,6% so với kế hoạch. Thực hiện đầu tư đưa vào khai thác đạt giá trị 1,99 tỷ đồng tương ứng 45,6% so với kế hoạch PAC.

➤ **Đánh giá tình hình thực hiện đầu tư năm 2014:**

- Nhìn chung, giá trị thực hiện đầu tư của toàn công ty trong năm 2014 chỉ đạt 67,5% so với kế hoạch;
- Việc thiếu nguồn vốn đầu tư làm ảnh hưởng đến tiến độ hoàn thành các dự án nói chung và nhất là ảnh hưởng đến việc triển khai các dự án đầu tư mới;
- Trong năm 2014 tỷ trọng đầu tư tập trung vào việc nâng cấp, cải tạo hạ tầng mạng lưới bao gồm thiết bị, mạng cáp đồng, mạng cáp quang và di dời ngầm hóa hệ thống mạng cáp của toàn Công ty.
- Do tình hình tài chính khó khăn, Công ty đã đa dạng hóa các hình thức đầu tư mua sắm (như thuê mua hoặc thanh toán trả chậm trong nhiều năm) để giảm áp lực dòng tiền cho SPT nhằm đáp ứng kịp thời các yêu cầu đầu tư phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và cung cấp dịch vụ của Công ty.

c) **Hoạt động Tổ chức - Nhân sự:**

Thực hiện công tác tiền lương, chế độ chính sách và phúc lợi, công tác tổ chức nhân sự, công tác tuyển dụng – đào tạo, xây dựng thang bảng lương mới.

- Thống kê tình hình nhân sự năm 2014 toàn công ty:

- + Nhân sự chính thức đầu năm : 1.206 người
- + Nhân sự chính thức cuối năm : 1.179 người

Trong đó :

- Nhân sự nghỉ việc: 142 người
- Nhân sự tuyển mới: 112 người
- Nhân sự đang thử việc: 11 người

- Tình hình thực hiện Quỹ Lương, chi phí CTV và chi phí đào tạo năm 2014:
 - + Chi phí lương : 111, 141 tỉ đồng, đạt 94,87% so với KH 2014 (117,148 tỉ đồng).
 - + Chi phí đào tạo : 184 tr đồng, đạt 14,8% so với KH 2014 (1,242 tỉ đồng).

d) Hoạt động Kế hoạch Kinh doanh:

Hỗ trợ hoạt động kinh doanh cho các Trung tâm, Chi nhánh như phối hợp cùng với đơn vị xây dựng các chính sách bán hàng, chương trình khuyến mãi quảng cáo, chương trình chăm sóc khách hàng, giám sát thực hiện giá cước của các đơn vị. Ngoài ra, luôn theo dõi, đánh giá, giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2014 của toàn Công ty. Hoàn thành công tác xây dựng Kế Hoạch 2015 của Công ty.

e) Hoạt động Phát triển sản phẩm dịch vụ mới:

SPT đã nghiên cứu trên 10 dự án mới và đã hoàn thành đi vào thử nghiệm 2 dự án là dự án Wifi công cộng kết hợp quảng cáo, và dự án SIP phone, đang chuẩn bị đưa vào khai thác dịch vụ từ các dự án hợp tác với VTVcab, phát triển kinh doanh dịch vụ Internet, các dự án này có doanh thu từ quý IV năm 2014, nhằm bổ sung vào nguồn thu cho kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.2 Hoạt động hợp tác liên doanh liên kết (S-Telecom)

- Củng cố, thực hiện phương án tái cơ cấu mạng di động S-Telecom.
- Đang thực hiện dự án 3G để khôi phục lại mạng di động Sfone cung cấp dịch vụ 3G đến khách hàng.

3.3 Tóm tắt:

- Kết quả hoạt động kinh doanh 2014 : Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Các đơn vị tập trung thực hiện các mục tiêu kế hoạch được giao đạt được các mục tiêu kỳ vọng. Tổng lợi nhuận trước thuế toàn công ty đạt 59 tỷ đồng, vượt KH 2014 là 14 tỷ đồng.
- Về vấn đề tài chính và nguồn vốn: Công ty vẫn đang chịu áp lực lớn do thiếu nguồn vốn cho kinh doanh và đầu tư dẫn đến các hoạt động kinh doanh còn bị hạn chế không có đủ nguồn lực đầu tư phát triển các dịch vụ chủ lực, dịch vụ mới,...đầu tư không đạt theo kế hoạch.

IV. Kế hoạch kinh doanh năm 2015:

4.1 Mục tiêu – định hướng kế hoạch 2015 và các nội dung thực hiện mục tiêu

4.1.1 Mục tiêu – định hướng KH 2015:

- Phân đầu giảm mức lỗ tối đa trong hoạt động kinh doanh (không bao gồm hoạt động tài chính), kỳ vọng giảm lỗ 40 tỷ đồng so với 2014, mức lỗ cho hoạt động kinh doanh còn 20 tỷ đồng.
- Trong năm 2015, phấn đấu tăng trưởng so với thực hiện năm 2014; về doanh thu: tăng trưởng 22% so với 2014, về lợi nhuận: tăng trưởng 31.% so với 2014.

- Duy trì ổn định chất lượng mạng lưới dịch vụ để đảm bảo nguồn thu ổn định cho Công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đa dạng dịch vụ nhằm tăng thêm doanh thu và tính cạnh tranh với các doanh nghiệp viễn thông khác.
- Liên kết hợp tác với các đối tác trong và ngoài ngành nhằm mở rộng thị trường dịch vụ SPT, đẩy mạnh quảng bá thương hiệu trên toàn quốc.
- Tăng doanh thu dựa trên cơ sở khai thác tối đa dịch vụ trên hạ tầng hiện có và tập trung triển khai kinh doanh các dịch vụ mới nhằm bổ sung nguồn thu kế hoạch 2015 cũng như tạo tiền đề phát triển các năm tiếp theo. Kế hoạch tăng doanh thu tối thiểu từ 20% trở lên so với kết quả thực hiện của năm 2014.
- Tiếp tục quản lý, giám sát chặt chẽ các chi phí của các đơn vị bằng các quy trình/quy định và chính sách cụ thể, trong đó chú trọng các chi phí giá vốn và chi phí bán hàng.
- Thực hiện tiết giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trên cơ sở tái cấu trúc cơ cấu tổ chức khối kỹ thuật và kinh doanh nhằm giảm nhân sự gián tiếp, tăng cường nhân sự trực tiếp bán hàng, tăng năng suất lao động toàn công ty so với 2014 (tăng 19%). Mục tiêu cắt giảm từ 15% đến 20% khối nhân sự gián tiếp so với thực hiện năm 2014.
- Triển khai ngay các dịch vụ mới từ đầu năm 2015 để tạo nguồn tăng trưởng doanh thu cho kế hoạch 2015 và các năm tiếp theo.

4.1.2 Biện pháp thực hiện:

a. Biện pháp tăng doanh thu:

- Thực hiện kế hoạch bán hàng và phương thức bán hàng hiệu quả hơn nhằm tăng doanh thu các dịch vụ hiện hữu: dịch vụ AAG, VoIP quốc tế về, FTTx, IP-VPN ngay trong 6 tháng đầu năm 2015.
- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư và khai thác các dịch vụ mới đã được chuẩn bị trong năm 2014: dịch vụ S-Wifi, dịch vụ internet trên truyền hình cáp VTV.

b. Biện pháp kiểm soát chi phí hoạt động kinh doanh bao gồm giá vốn và chi phí bán hàng.

- Kiểm soát chi phí vật tư trên cơ sở ban hành định mức và điều chỉnh giá vật tư và dịch vụ mua ngoài kịp thời, hợp lý nhằm tiết giảm chi phí.
- Quản lý, rà soát, theo dõi chi phí liên quan đến bán hàng: chi phí thù lao cộng tác viên, chi phí chăm sóc khách hàng, phân tích đánh giá hiệu quả từng chương trình bán hàng để có thay đổi phù hợp nhằm thúc đẩy công tác bán hàng hiệu quả hơn.

c. Biện pháp tăng năng suất lao động giảm chi phí QLDN:

- Hoàn chỉnh mô hình tái cấu trúc công ty theo hướng tách bạch công việc và trách nhiệm giữa các khối kinh doanh, khối hỗ trợ kinh doanh và khối kỹ thuật.
- Sắp xếp lại bộ máy kinh doanh dịch vụ toàn công ty trên cơ sở bố trí lại các nguồn lực hiện có hợp lý hơn nhằm gắn trách nhiệm và quyền lợi cụ thể của bộ máy kinh doanh trực tiếp theo hiệu quả kinh doanh.

4.2 Kế hoạch kinh doanh 2015

(Bảng số liệu bao gồm SST)

STT	Chỉ tiêu	TH 2013	TH 2014	KH 2015	%TH 2014/ TH 2013	%KH 2015/ TH 2014
1	TỔNG DOANH THU	641,974	702,223	782,456	109%	122%
2	CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ	1,505	923		61%	0%
3	DOANH THU THUẬN	640,469	701,300	782,456	109%	122%
4	TỔNG GIÁ VỐN	576,329	604,114	612,341	105%	106%
5	LỢI NHUẬN GỘP	64,140	97,185	170,115	152%	265%
6	DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	120,019	112,526	87,565	94%	73%
7	CHI PHÍ TÀI CHÍNH	28,137	28,122	13,995	100%	50%
8	CHI PHÍ BÁN HÀNG	19,224	17,788	50,288	93%	262%
9	CHI PHÍ QLĐN	101,662	105,129	105,297	103%	104%
10	LỢI NHUẬN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	-56,745	-25,732	14,530	45%	-26%
11	LỢI NHUẬN THUẬN	35,137	58,673	88,100	167%	251%
12	Lợi nhuận khác	3,882	453	1,900	12%	49%
13	TỔNG LỢI NHUẬN T.THUẾ	39,019	59,126	90,000	152%	231%

4.3 Các hoạt động khác:

a. Hoạt động kinh doanh tiếp thị:

- Tập trung triển khai công tác tổ chức bán hàng trực tiếp cho nhóm khách hàng lớn, nhóm khách hàng đặc thù tại các khu vực đã đầu tư đối với các DV ĐTCD, ADSL, FTTx nhằm tiết giảm chi phí bán hàng và tạo tính ổn định lâu dài của dịch vụ.
- Hỗ trợ các dự án khai thác dịch vụ mới trong việc tổ chức nghiên cứu thị trường, đánh giá khả năng phát triển dịch vụ, dự báo hiệu quả kinh doanh nhằm tạo điều kiện đánh giá khách quan để quyết định thời điểm đưa dịch vụ vào khai thác hợp lý.

b. Hoạt động tổ chức nhân sự:

Tình hình nhân sự - tiền lương:

- + Nhân sự chính thức đầu năm : 1.179 người
- + Nhân sự chính thức cuối năm : 1.232 người
- + Thu nhập bình quân năm 2015: 8.519.565đ/ tháng tăng 19% so với năm 2014

Ghi chú: Chi phí nhân sự kế hoạch năm 2015 tăng 14% so với TH 2014 chủ yếu do:

- Điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng theo nghị định của Chính Phủ áp dụng từ 01/01/2015 tăng 6%
- Tăng lương theo thâm niên hàng năm tăng 3% tổng quỹ lương.
- Dự phòng quỹ lương tập trung về Công ty tăng 5% tổng quỹ lương.

c. Hoạt động dự án - đầu tư : Hoạt động đầu tư:

- Thực hiện các hạng mục công trình đầu tư từ năm 2014 chuyển sang.
- Triển khai hoàn thiện các thủ tục pháp lý về kế hoạch đầu tư mới trong năm 2015
- Hoạt động dự án:
 - Đánh giá lại các dự án đang triển khai nhằm có quyết định mở rộng phát triển hoặc dừng dự án qua đó gia tăng hiệu quả hoạt động của đơn vị.
 - Nghiên cứu, triển khai các dự án mới nhằm hỗ trợ cho việc suy giảm doanh thu các dịch vụ hiện hữu đang trên đà suy thoái.

d. Hoạt động kỹ thuật:

- Triển khai Trung tâm điều hành kỹ thuật nhằm kiện toàn công tác quản lý kỹ thuật và tiết giảm chi phí điều hành kỹ thuật cho toàn công ty.
- Rà soát, kiểm tra, ban hành các định mức liên quan đến vật tư phát triển thuê bao của các dịch vụ ĐTCD, ADSL, FTTx, ..., phù hợp với thực tế hiện nay tại các Trung tâm và Chi nhánh nhằm giảm tiết giảm chi phí một cách hợp lý nhất.
- Nghiên cứu, áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm tăng cường chất lượng dịch vụ và tiết giảm chi phí vật tư.
- Tăng cường công tác giám sát, quản lý chất lượng dịch vụ trên cơ sở phối hợp hoạt động với Ban Quản lý chất lượng để nâng cao chất lượng cung cấp các dịch vụ của công ty.
- Xây dựng, thay đổi và ban hành các chỉ tiêu chất lượng dịch vụ cho các dịch vụ hiện có và dịch vụ mới phù hợp với yêu cầu của thị trường.
- Tiếp tục chủ trì xây dựng và thực hiện từng bước công tác tích hợp kỹ thuật (Hình thành hoàn tất Trung tâm điều hành kỹ thuật).
- Chủ trì hỗ trợ các Đơn vị mở rộng hạ tầng hiện có, hợp tác cung cấp dịch vụ mới.

4.4 Đối với dịch vụ:**❖ Đối với dịch vụ hiện hữu**

- ➔ Đặt mục tiêu giảm lỗ 20 tỷ (70%) từ hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp (không bao gồm hoạt động tài chính).
- ➔ Tổng lợi nhuận kế hoạch 2015 bao gồm hoạt động tài chính và hoạt động của BCC-SST ước đạt 90 tỷ tăng 52% so với thực hiện 2014 đạt 59,126 tỷ đồng. Trong đó lợi nhuận từ BCC-SST 30 tỷ đồng.

❖ Đối với dịch vụ mới

Công ty tích cực triển khai dịch vụ S-Wifi, SIP Phone và dịch vụ internet trên truyền hình cáp VTV nhằm đóng góp doanh thu năm 2015 70 tỷ đồng.

4.5 Về đầu tư năm 2015:

Dựa vào nhu cầu kinh doanh năm 2015 và các chỉ tiêu kinh doanh đặc thù của từng đơn

vi, kế hoạch đầu tư 2015 như sau:

- Tổng mức đầu tư : 101,16 tỷ đồng
- Giá trị dự kiến hoàn thành năm 2015 : 152,42 tỷ đồng,

Trong đó:

- + Năm 2014 chuyển sang : 51,26 tỷ đồng
 - Thực hiện dở dang (đã ký HĐ) : 17,57 tỷ đồng
 - Tiếp tục thực hiện năm 2015 : 31,69 tỷ đồng
- + Năm 2015 : 101,16 tỷ đồng

Phần D

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Tổ chức kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn Tài chính Quốc tế - IFC

- Địa chỉ: Phòng 3203, Tầng 32, Tòa nhà 34T, KĐT Trung Hoà – Nhân Chính,
Q. Cầu Giấy, Hà Nội

- Điện thoại: 04 222 12 891 Fax: 04 222 12 892

- Website: : www.ifcvietnam.com.vn

I. Báo cáo tài chính 2014
1.1. Bảng cân đối kế toán 2014

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.198.853.598.617	1.094.577.279.381
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	26.799.292.446	51.298.212.497
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	35.402.626.924	61.502.626.924
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.077.540.853.090	939.250.466.573
4	Hàng tồn kho	30.077.731.514	33.645.459.431
5	Tài sản ngắn hạn khác	29.033.094.643	8.880.513.956
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.154.961.201.788	1.268.041.170.062
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	577.673.491.716	670.588.466.384
	- Tài sản cố định hữu hình	269.305.270.248	336.687.292.059
	- Tài sản cố định vô hình	282.646.833.177	314.282.319.598
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	25.721.388.291	19.618.854.727
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	545.919.819.794	548.011.179.794
5	Tài sản dài hạn khác	31.367.890.278	49.441.523.884
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.353.814.800.405	2.362.618.449.443
IV	NỢ PHẢI TRẢ	634.954.511.696	670.574.222.036
1	Nợ ngắn hạn	541.663.457.021	544.621.051.644
2	Nợ dài hạn	93.291.054.675	125.953.170.392
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.718.860.288.709	1.692.044.227.407

Số TT	Nội dung	Số cuối năm	Số đầu năm
1	Vốn chủ sở hữu	1.718.860.288.709	1.692.044.227.407
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.203.917.290.000	1.203.917.290.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	605.544.544.445	605.544.544.445
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu ngân quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	18.824.082.703	18.824.082.703
	- Quỹ dự phòng tài chính	6.387.727.643	6.387.727.643
	- Các quỹ		
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(115.813.356.082)	(142.629.417.384)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí, quỹ khác		
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.353.814.800.405	2.362.618.449.443

1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh

Số TT	Nội dung	2014	2013
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	702.222.776.778	641.973.959.628
2	Các khoản giảm trừ	923.271.688	1.504.929.916
3	Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV	701.299.505.090	640.469.029.712

4	Giá vốn hàng bán	604.114.382.093	576.329.108.441
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV	97.185.122.997	64.139.961.271
6	Doanh thu hoạt động tài chính	112.526.114.038	120.018.831.891
7	Chi phí tài chính	28.121.991.086	28.136.648.924
8	Chi phí bán hàng	17.788.144.897	19.223.682.121
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	105.128.540.339	101.661.568.159
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	58.672.560.713	35.136.853.958
11	Thu nhập khác	4.424.140.431	9.527.318.329
12	Chi phí khác	3.971.120.650	5.645.594.199
13	Lợi nhuận khác	453.019.781	3.881.724.130
14	Tổng lợi nhuận trước thuế	59.125.580.494	39.018.578.088
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		1.281.726.909
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	13.494.429.380	8.682.335.546
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45.631.151.114	29.054.515.633
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
19	Cổ tức trên cổ phiếu		

1.3. Chỉ số tài chính

Chỉ số	2014	2013
Tỷ số thanh toán		
Tỷ số thanh toán hiện hành	2,21	2,01
Tỷ số thanh toán nhanh	2,16	1,95
Tỷ suất sinh lợi		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	6,51%	4,54%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (%)	1,94%	1,23%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (%)	2,65%	1,72%

II. Báo cáo Kiểm toán

Ý kiến kiểm toán độc lập:

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 04 năm 2015, từ trang 6 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa ghi nhận đầy đủ các khoản chi phí thuê trụ điện do Công ty đang đàm phán với đơn vị chủ sở hữu việc thay đổi đơn giá thuê với tổng giá trị là 6.635.128.297 đồng. Nếu các khoản chi phí nêu trên được ghi nhận đầy đủ thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty sẽ giảm đi tương ứng.

Do đặc thù của ngành Bưu chính Viễn Thông nên tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ biên bản đối chiếu công nợ phải thu, phải trả. Các thủ tục kiểm toán thay thế của chúng tôi cũng không cung cấp đủ căn cứ để đánh giá tính hiện hữu và giá trị của các khoản mục công nợ phải thu phải trả trên Báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về ảnh hưởng của vấn đề trên đến các khoản công nợ phải thu, phải trả và ảnh hưởng của các khoản mục này đến các chỉ tiêu trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Do đặc thù của ngành Bưu chính Viễn Thông, Công ty chưa thực bù trừ giao dịch nội bộ phát sinh trong năm 2014 với số tiền là 60.676.564.001 đồng. Nếu các giao dịch nội bộ được bù trừ thì chỉ tiêu “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và “Giá vốn hàng bán” trên Báo cáo Kết quả kinh doanh cùng giảm đi số tiền tương ứng.

Báo cáo tài chính của Trung tâm điện thoại Nam Sài Gòn (SST) được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Kế toán BHP đang được hợp cộng trong Báo cáo tài chính của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng tài sản của SST là 37.011.924.744 đồng, trong đó, công nợ phải thu là 7.807.506.384 đồng; nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn là 18.511.207.661 đồng. Trong năm 2014, doanh thu 94.574.996.192 đồng, giá vốn 47.027.662.407 đồng, lợi nhuận sau thuế là 31.199.030.043 đồng.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phần E

CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

I. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty SPT: không có.

II. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty SPT nắm giữ:

2.1. Công ty TNHH Thông tin và Viễn thông Di động S-Telecom

Trụ sở: 97 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: (84.8) 404 0079.

Vốn điều lệ: 3.675.000.000.000 đồng.

Vốn góp của Công ty SPT (dự kiến sau hoàn tất góp vốn): 2.940.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động viễn thông không dây, quản lý khai thác mạng di động.

III. Báo cáo tình hình góp vốn thực tế của Công ty SPT vào các đơn vị liên doanh, các công ty cổ phần khác đến ngày 31/12/2014

3.1. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc SPT

Trụ sở: Số 15, lô 13B đường Trung Yên 11, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0102035422 do Sở KH & ĐT Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng, trong đó SPT giữ cổ phần chi phối và nắm quyền điều hành Công ty.

3.2. Công ty CP Đầu tư và Phát triển hạ tầng KCN cao Sài Gòn

Trụ sở: Lô 6.1 tòa nhà Etown 2, số 364 Cộng Hòa, P. 13, Q. Tân Bình, TP. HCM

Điện thoại: (08) 3810 0017

Fax: (08) 3810 0337

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 4103006017 do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng.

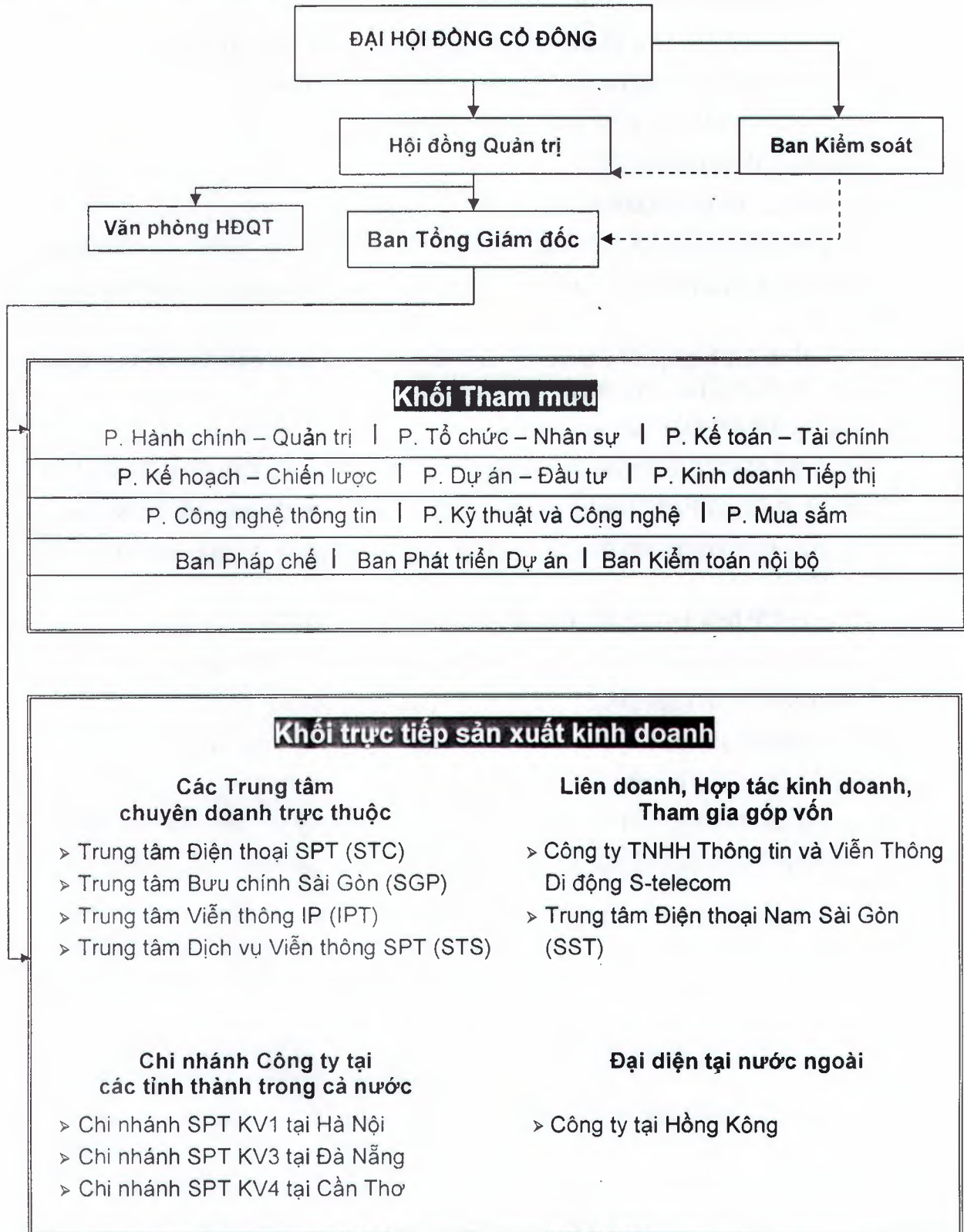
Vốn góp của Công ty SPT: 15.000.000.000 đồng, chiếm tỷ lệ 5,00% vốn điều lệ.

Ngành nghề kinh doanh: Đầu tư, xây dựng, kinh doanh các công trình hạ tầng.

Phần F

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

I. Cơ cấu tổ chức Công ty



II. Tóm tắt lý lịch các thành viên Ban Điều hành Công ty:

Ban Tổng Giám đốc: gồm 03 thành viên và 1 kế toán trưởng.

2.1. Ông HOÀNG SĨ HÓA - Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Viễn thông, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty SPT.
- + Số cổ phần nắm giữ:
 - Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần.
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ông NGUYỄN NHẬT TÂN - Phó Tổng Giám đốc.

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1951
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ.
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT, kiêm nhiệm Giám đốc Trung tâm Điện thoại Nam Sài Gòn (SST).
- + Số cổ phần nắm giữ:
 - Cổ phần cá nhân: 3.804 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
 - Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.3. Ông LÊ NHẬT NGUYÊN - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1960
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kỹ sư Viễn thông
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT.
- + Số cổ phần nắm giữ:
- Cổ phần cá nhân: 3.588 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.003% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.4. Ông LÊ QUANG TRIỆU - Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1962
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kỹ thuật Viễn thông, Kỹ sư Vô tuyến điện và thông tin, Kỹ sư thực hành Vô tuyến điện.
- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty SPT, kiêm chức vụ Giám đốc điều hành trung tâm điện thoại di động CDMA (S-Telecom)
- + Số cổ phần nắm giữ:
- Cổ phần cá nhân: 7.650 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.006% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.5. Bà NGUYỄN THỊ KIM THOA - Kế toán trưởng

- Giới tính: Nữ
- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Trà Vinh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kinh tế ngoại thương.
- Chức vụ công tác hiện nay: Kế toán trưởng Công ty SPT.
- Số cổ phần nắm giữ:
- + Cổ phần cá nhân: 23.101 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0.019% vốn điều lệ
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Số lượng cán bộ, viên chức và chính sách đối với người lao động

- Tổng nhân sự bình quân năm 2014 là 1.143 người.

- Thu nhập bình quân năm 2014 : 7.106.418 đồng/người/tháng.

- Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, SPT luôn đánh giá cao vai trò của người lao động, xem con người là yếu tố quan trọng nhất trong mọi hoạt động, có tính chất quyết định đối với sự thành bại của Công ty. Chính vì vậy, Công ty đặc biệt quan tâm đến chính sách lương, thưởng và các chế độ phúc lợi xã hội. Trong năm 2014, Công ty đã thực hiện nhiều đợt điều chỉnh thu nhập cho người lao động để thu hút lao động giỏi, khuyến khích tăng năng suất lao động...; Phối hợp với Công đoàn thực hiện các phúc lợi khác như chế độ cho lao động nữ, con em nhân viên, trợ cấp hoặc các hình thức chăm lo khác cho gia đình công nhân viên...

Công tác biểu dương và nêu gương sáng điển hình hàng tháng được phát động nhằm phát huy hơn nữa tinh thần thi đua công tác trong toàn thể CB-CNV SPT; đồng thời động viên, khuyến khích và khen thưởng kịp thời những cá nhân tiêu biểu, có những hoạt động và thành tích tốt trong tháng, đóng góp hiệu quả vào thành quả Công ty.

Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các khóa đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho viên chức và trình độ quản lý cho cán bộ lãnh đạo, tổ chức các khóa huấn luyện an toàn lao động cho viên chức kỹ thuật...

Phần G

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

I. Hội đồng Quản trị

Gồm 07 thành viên và có cơ cấu như sau:

- Thành viên không thường trực:
- + Ông Đặng Thành Tâm, Chủ tịch.
- + Ông Phạm Văn Thông, Phó Chủ tịch
- + Ông Tề Trí Dũng, Thành viên
- + Ông Nguyễn Thế Định, Thành viên
- + Ông Phan Anh Tuấn, Thành viên
- + Ông Nguyễn Minh Tuấn, Thành viên
- Thành viên kiêm nhiệm Tổng Giám Đốc : Ông Hoàng Sĩ Hóa

1.1. Ông ĐẶNG THÀNH TÂM - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1964
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Kỹ sư Hàng Hải, Cử nhân Quản trị kinh doanh - Diploma Kinh tế trường Henley Management College (Anh)
- Chức vụ:
- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT
- + Chủ tịch Tập đoàn đầu tư Sài Gòn
- + Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc
- + Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn Thông Sài Gòn
- Số cổ phần nắm giữ:
- + Đại diện Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn sở hữu 8.090.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 6.72% vốn điều lệ.
- + Đại diện Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn sở hữu 18.233.665 cổ phần, chiếm tỷ lệ 15.15% vốn điều lệ.
- + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.2. Ông PHẠM VĂN THÔNG – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1960

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

- Trình độ văn hóa: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Kinh tế

- Chức vụ:

+ Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Phó Chánh Văn phòng Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Văn phòng Thành ủy sở hữu: 11.456.525 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 9.52% vốn điều lệ.

+ Cổ phần cá nhân: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.3. Ông TÈ TRÍ DŨNG - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam

- Năm sinh: 1981

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc: Kinh

- Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

- Trình độ văn hoá: 12/12

- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế

- Chức vụ:

+ Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT

+ Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Bến Thành

- Số cổ phần nắm giữ:

+ Đại diện Tổng Công ty Bến Thành sở hữu: 2.923.477 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,43% vốn điều lệ

+ Cổ phần cá nhân: không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.4. Ông NGUYỄN THẾ ĐỊNH - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ninh Bình
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật, Cử nhân Hành chính, Trung cấp Cảnh sát
- Chức vụ:
 - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Giám đốc Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Cty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 sở hữu: 11.053.663 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 9.18% vốn điều lệ
 - + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.5. Ông HOÀNG SĨ HÓA - Thành viên Hội đồng Quản trị

Xem phần Ban Tổng Giám đốc.

- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần

1.6. Ông PHAN ANH TUẤN - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế
- Chức vụ:
 - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Chủ tịch HĐQT Công ty Chứng khoán Navibank
 - + Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Công ty Phát triển đô thị Kinh Bắc
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Cổ phần cá nhân: không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

1.7. Ông NGUYỄN MINH TUẤN - Thành viên Hội đồng Quản trị

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thừa Thiên Huế
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính, Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
- Chức vụ:
 - + Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty SPT
 - + Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ ACB
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Ngân hàng Á Châu (ACB) sở hữu: 3.236.536 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,688% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 0 cổ phần.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

II. Ban Kiểm soát: gồm 02 thành viên**2.1. Ông BUI XUÂN BẮC** - Trưởng ban Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1959
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nam
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ:
 - + Trưởng ban Ban Kiểm soát Công ty SPT
 - + Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH TNT (T&T Co. Ltd)
- Số cổ phần nắm giữ:
 - + Đại diện Công ty TNHH TNT sở hữu: 2.828.713 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2.35% vốn điều lệ.
 - + Cổ phần cá nhân: 6.429 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0053% vốn điều lệ.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

2.2. Ông NGUYỄN NHÂN NGHĨA - Thành viên Ban Kiểm soát

- Giới tính: Nam
- Năm sinh: 1969
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Chức vụ:
- + Thành viên Ban Kiểm soát Công ty SPT
- + Tổng Giám đốc Công ty LD Quản lý đầu tư BIDV - Vietnam Partners (BVIM)
- Số cổ phần nắm giữ:
- + Đại diện Công ty LD Quản lý Đầu tư BIDV - Vietnam Partners sở hữu: 2.157.691 cổ phần, chiếm tỷ lệ 1,792% vốn điều lệ
- + Cổ phần cá nhân: không có.
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không
- Các khoản nợ đối với Công ty: không

III. Thống kê về cổ đông

3.1. Cổ đông góp vốn

Cơ cấu cổ đông góp vốn đến ngày 31/12/2014:

CỔ ĐÔNG	Tổng số vốn cổ phần (Mệnh giá 10.000đ/cp)		
	Tổng số tiền	SL cổ phần	Tỉ lệ %
Cổ đông sáng lập	185.089.180.000	18.508.918	15,37%
Cổ đông Doanh nghiệp, Tổ chức CT - XH	328.269.280.000	32.826.928	27,27%
Cổ đông là tổ chức ngoài DNNN, TCCT-XH	294.032.780.000	29.403.278	24,42%
Cổ đông là nhà đầu tư chiến lược	263.236.650.000	26.323.665	21,87%
Cổ đông là cá nhân trong và ngoài công ty	127.698.230.000	12,769,823	10,61%
Cổ phiếu ưu đãi	5.591.170.000	559.117	0,46%
TỔNG CỘNG	1.203.917.290.000	120.391.729	100%

3.2. Các cổ đông lớn của Cty SPT (có tỷ lệ vốn góp từ 2% trở lên/tổng vốn điều lệ)

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
TỔNG CÔNG TY BẾN THÀNH - TNHH 1 TV	27 Nguyễn Trung Trực, P.Bến Thành, Q.1 TP.HCM	Dịch vụ thương mại, sản xuất và đầu tư	2.923.477	2,43%
VĂN PHÒNG THÀNH ỦY	135 Trương Định, P.7, Q.3, TP.HCM	Đa ngành nghề	11.456.525	9,52%
CÔNG TY TNHH T.N.T (T&T CO. LTD)	258 Bis Trần Hưng Đạo, P.Ng Cư Trinh, Q1, TP.HCM	Kinh doanh dịch vụ du lịch, nhà hàng	2.828.713	2,35%
CTY CP ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KD NHÀ BẾN THÀNH	73 Nguyễn Thái Bình, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Kinh doanh nhà, xây nhà công trình nhà ở và xây dựng khác	2.762.925	2,29%
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công Ích Quận I	28-30 Nguyễn Thái Bình, P.Ng Thái Bình, Q.1, TP.HCM	Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà, phát triển nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.	11.053.663	9,18%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Số 1, Đào Duy Anh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Hà Nội	Kinh doanh các dịch vụ BCVT, khảo sát, thiết kế, xây dựng các công trình BCVT, XNK, cung ứng vật tư thiết bị BCVT	10.264.443	8,53%
Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn	Lô 46, Công viên phần mềm Quang Trung, P. Tân Chánh Hiệp, Quận 12, TP.HCM	Mua bán máy vi tính, thiết bị điện tử, vật tư thiết bị BCVT. Mua bán lắp đặt vật tư, TB truyền dẫn, đầu nối. Tư vấn kỹ thuật ngành tin học, SX mua bán phần mềm....	18.233.665	15,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn	20 Phùng Khắc Khoan, P.Đa Kao, Quận 1, TP.HCM	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng KCN. Dịch vụ tư vấn đầu tư. Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi.....	8.090.000	6,72%
Cty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	Tầng 12& 17, VCB Tower, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội		2.697.114	2,24%

CTY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN SÀI GÒN-QUY NHƠN	39/16 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM		16.215.000	13,47%
CTY CP ĐẦU TƯ Á CHÂU	71, Điện Biên Phủ, Phường 15, Q.Bình Thạnh, TP.HCM		3.236.536	2,69%
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Kinh Bắc	Lô B7, KCN Quế Võ, Xã Phương Liễu, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh		6.685.000	5,55%
Nguyễn Sơn	41/8 Cô Giang, P.Cầu Ông Lãnh, Q.1, TP.HCM		3.829.795	3,18%

3.3. Cổ đông nước ngoài

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	NGÀNH NGHỀ KD	SL CỔ PHẦN (Mệnh giá 10.000đ/1cp)	TỶ LỆ VỐN GÓP
Việt nam Emerging Equity Fund Limited	Tòa nhà Opera View, 161 Đồng Khởi, Quận 1, TP. HCM	Đầu tư	1.510.384	1,25%
Temasia Capital Limited	42/F Central Plaza, 18 Harbour Road, Wanchai, SAR Hong Kong		414,276	0,34%

Ngày 24 tháng 6 năm 2015

TỔNG GIÁM ĐỐC



M.S.D.N: 0300849034 - C.T.C.P *
CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỊCH VỤ BƯỞI CHÁNH
VIỆN THÔNG
SÀI GÒN
QUẬN THỚI KHÉP
HỒ CHÍ MINH

HOANG SĨ HÓA



C.T.C.P * HNHN